

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá, Biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày 12 tháng 01 năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 37 xã, thị trấn (có Danh sách kèm theo) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021.

Điều 2. Giao Văn phòng HĐND&UBND huyện công bố công khai danh sách các xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng: Nội vụ, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (t/h);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp (b/c);
- T.Trực Huyện ủy, HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TP.

CHỦ TỊCH

Lê Sỹ Nghiêm

DANH SÁCH CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2022 của
Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I.	Loại I							
1.	UBND Thị trấn Bút Sơn	96	15	30	21	10	20	100
2.	UBND xã Hoàng Tiến	95	15	27	23	10	20	100
3.	UBND xã Hoàng Hải	95	15	30	22	8	20	100
4.	UBND xã Hoàng Thanh	93	13	30	22	10	18	100
5.	UBND xã Hoàng Trường	93	14	29	23	8	19	100
6.	UBND xã Hoàng Phụ	91	13	29	22	9	18	100
II.	Loại II							
1.	UBND xã Hoàng Xuân	96	14	30	23	10	19	100
2.	UBND xã Hoàng Đức	94	14,5	30	20,5	9	20	100
3.	UBND xã Hoàng Thắng	93	14	28	23	9	19	100
4.	UBND xã Hoàng Ngọc	93	13	30	23	8	19	100
5.	UBND xã Hoàng Sơn	92	14	29,5	22	8	18,5	100
6.	UBND xã Hoàng Phong	92	15	29	22	8	18	100
7.	UBND xã Hoàng Châu	91	12	30	23,5	8,5	17	100
8.	UBND xã Hoàng Xuyên	85	12	30	18	10	15	100
III.	Loại III							
1.	UBND xã Hoàng Cát	96	13,5	29,5	23	10	20	100
2.	UBND xã	95	15	30	24	8	18	100

	Hoàng Thái							
3.	UBND xã Hoàng Phượng	95	13,5	28	24	10	19,5	100
4.	UBND xã Hoàng Trinh	95	14,5	29	24	9,5	18	100
5.	UBND xã Hoàng Đạo	95	15	30	22	8	20	100
6.	UBND xã Hoàng Trung	95	14	29,5	24	8	19,5	100
7.	UBND xã Hoàng Lộc	94	13,5	29	24	10	17,5	100
8.	UBND xã Hoàng Trạch	94	15	29,5	20,5	10	19	100
9.	UBND xã Hoàng Đồng	93	14	29,5	22,5	9	18	100
10.	UBND xã Hoàng Thịnh	92	14	29	21	9	19	100
11.	UBND xã Hoàng Lưu	92	15	30	18	9	20	100
12.	UBND xã Hoàng Yên	92	13,5	29,5	21	8	20	100
13.	UBND xã Hoàng Tân	92	13	28	21	10	20	100
14.	UBND xã Hoàng Giang	91	14	28	21	9	19	100
15.	UBND xã Hoàng Hà	91	14	28,5	22	9	17,5	100
16.	UBND xã Hoàng Đông	91	15	30	21	8	17	100
17.	UBND xã Hoàng Quý	91	14,5	29	20,5	9	18	100
18.	UBND xã Hoàng Phú	90	14	29	20	9	18	100
19.	UBND xã Hoàng Hợp	90	14	29	20	9	18	100
20.	UBND xã Hoàng Kim	90	14	29	20	9	18	100
21.	UBND xã Hoàng Thành	89	12	29,5	20,5	8	19	100
22.	UBND xã Hoàng Quý	89	13,5	29	21,5	8	17	100
23.	UBND xã Hoàng Đạt	88	12	29,5	18,5	8	20	100